

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHO QUAN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11/4/2024
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhân.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Mạnh Tường
Ông Nguyễn Văn Phiếu
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nho Quan
- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2023/TLST-HNGĐ ngày 28/11/2023; về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn X, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, Nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Nguyễn Văn S được tự do tìm hiểu sau một thời gian anh chị đã tự nguyện đi đăng ký kết hôn ngày 19/6/2017 tại UBND xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là vợ chồng bất hòa và anh chị không có tiếng nói chung. Trong thời gian sinh sống hai vợ chồng anh chị mâu thuẫn càng trầm trọng khiến không khí gia đình căng thẳng. Từ tháng 9 năm 2020 vợ chồng anh chị đã sống ly thân cho đến nay mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng không còn ai

quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nên chị L làm đơn này đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: không có; Về tài sản chung và công nợ chung: không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị không tiến hành hòa giải chị L xin xử vắng mặt. Chị L vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn S vì tình cảm anh chị không còn. Về con chung không có. Về tài sản chung và công nợ chung chị Lưu k đề nghị tòa án giải quyết.

Lời trình bày của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Văn S mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của anh S đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có). Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình đã tiến hành làm việc trực tiếp với anh S tại địa phương tuy nhiên do anh S đi làm nên Trưởng thôn Xát, xã S, huyện N đã nhận toàn bộ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo kết quả tiếp cân công khai chứng cứ và đã cam kết giao tận tay cho anh S và sau đó đã giao được tận tay cho anh S. Tuy nhiên anh S không có ý kiến gì. Tòa án nhân dân huyện Nho Quan đã tiến hành xác minh và xác định được bị đơn anh Nguyễn Văn S có nơi cư trú ở thôn X, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình tuy nhiên anh S đi làm từ sáng đến tối mới về nhà. Tòa án không thể tiến hành được việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Nguyễn Văn S nên đã tiến hành giao các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho trưởng thôn Xát để giao cho anh S và ông Trưởng thôn X đã giao tận tay cho anh S để thông báo cho anh S được biết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia tố tụng tại phiên tòa giải quyết vụ án sơ thẩm phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị L về việc “Ly hôn” đối với anh Nguyễn Văn S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Bùi Thị L với anh Nguyễn Văn S. Quan hệ hôn nhân của chị Bùi Thị L với anh Nguyễn Văn S chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung, công nợ chung và tài sản chung: không có, Không xem xét giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Bùi Thị L phải nộp toàn bộ án phí ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ ly hôn Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải là có căn cứ.

- Ngày 24/01/2024 là nguyên đơn chị Bùi Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định Điều 227; Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

- Anh Nguyễn Văn S là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn S được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/6/2017 tại UBND xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở tự nguyện đây là cuộc hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 19/6/2017 đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị L, anh S chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là vợ chồng bất hòa và anh chị không có tiếng nói chung. Trong thời gian sinh sống hai vợ chồng anh chị mâu thuẫn càng trầm trọng khiến không khí gia đình căng thẳng. Năm 2020 chị L và anh S đã sống ly thân cho đến nay mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa nên chị L đề nghị xin ly hôn anh S. Từ tháng 9 năm 2020 chị L đã không ở cùng với anh S mà đã chuyển về nhà mẹ đẻ để sinh sống ở thôn A, xã P, huyện N. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân anh S ở nhà của mình ở thôn X, xã S, huyện N cho đến

nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau; chính quyền địa phương nơi anh S cư trú cũng xác nhận có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện N, chị L và anh S sinh sống với nhau một thời gian thì năm 2020 chị L và anh S chung sống với anh S ở thôn X, xã S, huyện N cho đến nay. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị L, xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn S là phù hợp Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: chị L và anh S không có, không yêu cầu giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí:

- Án phí ly hôn: chị Bùi Thị L chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn đối với anh Nguyễn Văn S. Quan hệ hôn nhân của chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn S chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Bùi Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền 300.000đ đã tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0001078 ngày 28/11/2023.

Án xử công khai sơ thẩm chị L và anh S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9

Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND H. NQ;
- Chi cục THA H. NQ;
- UBND thị trấn NQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Thị Thanh Nhân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lâm Thị Thanh Nhàn